

Số: /KH-UBND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2025

KẾ HOẠCH

**Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện công tác
bảo trợ xã hội, trẻ em giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh**

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ);

Căn cứ Quyết định số 23/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh¹;

Thực hiện các Kế hoạch giai đoạn của Ủy ban nhân dân tỉnh²;

Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh ban hành Kế hoạch tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện công tác bảo trợ xã hội, trẻ em giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh, với nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Sơ kết, tổng kết, để đánh giá toàn diện kết quả thực hiện công tác công tác bảo trợ xã hội, trẻ em trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021-2025, làm rõ

¹ số 189/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Bình Phước quy định mức chi quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh về thông qua Đề án tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội và đối tượng khó khăn hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 của HĐND tỉnh Đồng Nai sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều 1 Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022; Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Quy định mức hỗ trợ đối với viên chức tại Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023-2027.

² số 375/KH-UBND ngày 12/01/2018 của UBND tỉnh về thực hiện Đề án “Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2017-2025 và tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Kế hoạch số 8994/KH-UBND ngày 29/7/2021 về thực hiện chương trình phát triển công tác xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021-2030; Kế hoạch số 123/KH-UBND ngày 13/4/2021 thực hiện Chương trình phát triển công tác xã hội, giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Kế hoạch số 4644/KH-UBND ngày 05/5/2021 về thực hiện Chương trình hành động vì trẻ em tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021-2030; Kế hoạch số 206/KH-UBND ngày 14/6/2021 triển khai chương trình hành động vì trẻ em giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 15/4/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh Bình Phước; Kế hoạch số 3814/KH-UBND ngày 06/4/2020 của UBND tỉnh vận động và triển khai hỗ trợ cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2020 - 2025; Kế hoạch số 9353/KH-UBND ngày 07/8/2020 của UBND tỉnh về Hành động quốc gia phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2020 - 2025.

những kết quả đạt được, các tồn tại, hạn chế, khó khăn, nguyên nhân; rút ra bài học kinh nghiệm để phục vụ cho việc xây dựng phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới.

b) Đề xuất phương hướng, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác bảo trợ xã hội, trẻ em trong giai đoạn tiếp theo.

c) Biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong thực hiện công tác bảo trợ xã hội, trẻ em thời gian qua.

2. Yêu cầu

a) Công tác sơ kết, tổng kết, đánh giá phải được thực hiện khách quan, trung thực, phản ánh đúng tình hình thực tế tại các cấp, các ngành và địa phương về công tác bảo trợ xã hội, trẻ em.

b) Tổ chức sơ kết, tổng kết đảm bảo đúng yêu cầu, tiến độ đề ra, thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

c) Báo cáo sơ kết, tổng kết cần cụ thể, có số liệu minh chứng rõ ràng, phân tích đầy đủ kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế, khó khăn, nguyên nhân và đề xuất giải pháp thực hiện trong thời gian tới.

d) Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban, ngành, địa phương trong quá trình triển khai và thực hiện sơ kết, tổng kết.

II. NỘI DUNG HỘI NGHỊ

1. Báo cáo tóm tắt, đánh giá kết quả thực hiện công tác bảo trợ xã hội, trẻ em giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh.

2. Dự báo tình hình và kiến nghị, đề xuất nhiệm vụ, giải pháp để khắc phục những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế và nâng cao hiệu quả công tác bảo trợ xã hội, trẻ em giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh.

3. Phát biểu tham luận của các đơn vị, địa phương.

a) Xã Bình Minh: Tình hình, kết quả và một số bài học kinh nghiệm trong thực hiện công tác bảo trợ xã hội.

b) Phường Đồng Xoài: Tăng cường chăm sóc, giáo dục, bảo vệ và phát huy quyền tham gia của trẻ em tại địa phương.

4. Phát biểu chỉ đạo của lãnh đạo UBND tỉnh.

5. Biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong công tác triển khai, thực hiện công tác bảo trợ xã hội, trẻ em giai đoạn 2021-2025.

III. THÀNH PHẦN, THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM

1. Thành phần tham dự Hội nghị (dự kiến khoảng 200 đại biểu)

a) Đại biểu cấp tỉnh:

- Lãnh đạo UBND tỉnh (Chủ trì Hội nghị).

- Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh.
- Ban Chỉ đạo Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa.
- Lãnh đạo các sở, ngành, đoàn thể: Ban Văn hóa - Xã hội, HĐND tỉnh; Văn phòng UBND tỉnh; Sở Y tế; Sở Nội vụ; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Tư pháp; Sở Tài chính; Sở Xây dựng; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công Thương; Sở Dân tộc và Tôn giáo; Sở Ngoại vụ; Công an tỉnh; Thanh tra tỉnh; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh; Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh; Hội Nông dân tỉnh; Liên đoàn Lao động tỉnh, Tỉnh đoàn, Hội Người cao tuổi, Hội Cựu chiến binh.
- Phòng Khoa giáo - Văn xã; Phòng Thi đua khen thưởng, Sở Nội vụ; các phòng, đơn vị thuộc Sở Y tế: Văn phòng, Phòng Chính sách xã hội, phòng Nghiệp vụ, phòng Dân số, Phòng Tổ chức cán bộ, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, Trung tâm Công tác xã hội và Quỹ Bảo trợ trẻ em, Trung tâm Bảo trợ xã hội Bình Phước.

- Báo và phát thanh, truyền hình Đồng Nai;

b) Cấp xã: Đại diện lãnh đạo UBND các xã, phường.

c) Các tập thể, cá nhân được khen thưởng

2. Thời gian, địa điểm tổ chức Hội nghị

a) Thời gian: Hội nghị tổ chức 01 buổi, dự kiến từ ngày 18 đến ngày 26 tháng 12 năm 2025 (*Có Thư mời cụ thể sau*).

b) Địa điểm dự kiến: Trên địa bàn phường Trảng Biên hoặc phường Tam Hiệp tỉnh Đồng Nai (*Có văn bản thông báo cụ thể sau*).

3. Trang trí Hội nghị

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

HỘI NGHỊ

**SƠ KẾT, TỔNG KẾT ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC
BẢO TRỢ XÃ HỘI, TRẺ EM GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

Đồng Nai, ngày ... tháng 12 năm 2025

4. Kinh phí thực hiện

Kinh phí tổ chức Hội nghị tổng kết được chi từ nguồn kinh phí sự nghiệp chính sách xã hội giao Sở Y tế năm 2025 và kinh phí khen thưởng Bằng khen của UBND tỉnh trích từ nguồn kinh phí khen thưởng của tỉnh.

5. Trang phục hội nghị

a) Đại biểu nam, nữ: Trang phục công sở.

b) Đại biểu là lực lượng vũ trang: Công an, Quân đội mặc đồng phục ngành theo quy định.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

a) Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành liên quan, UBND các phường, xã tham mưu UBND tỉnh báo cáo sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện công tác bảo trợ xã hội, trẻ em giai đoạn 2021-2025 trình UBND tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh chương trình hội nghị, kịch bản chi tiết; thư mời đại biểu và tập thể, cá nhân được biểu dương khen thưởng; các điều kiện tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết và biểu dương khen thưởng các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong công tác triển khai, thực hiện công tác bảo trợ xã hội, trẻ em giai đoạn 2021 - 2025. Phối hợp với các đơn vị liên quan chuẩn bị tham luận trình bày tại hội nghị.

c) Phối hợp Sở Nội vụ hướng dẫn, khen thưởng các tập thể, cá nhân tiêu biểu đạt thành tích trong công tác bảo trợ xã hội, trẻ em giai đoạn 2021-2025 và tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh xem xét khen thưởng.

d) Chuẩn bị toàn bộ tài liệu, nội dung và kinh phí tổ chức Hội nghị.

2. Sở Nội vụ

Phối hợp Sở Y tế hướng dẫn các thủ tục đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng cho các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong công tác bảo trợ xã hội, trẻ em giai đoạn 2021-2025; thẩm định hồ sơ, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định và thực hiện thủ tục công bố Quyết định, điều hành nghi thức khen thưởng của UBND tỉnh tại Hội nghị theo quy định.

3. Sở Tài chính

Tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn kinh phí thực hiện kế hoạch theo phân cấp ngân sách hiện hành và các quy định pháp luật có liên quan.

4. UBND xã Bình Minh và phường Đồng Xoài

Chuẩn bị báo cáo tham luận được giao để trình bày tại Hội nghị và gửi báo cáo tham luận về Sở Y tế (*qua Phòng Chính sách xã hội*) **trước ngày 30/11/2025**; mỗi tham luận trình bày không quá 8 phút.

5. Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và các đơn vị liên quan

Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và các đơn vị liên quan trên cơ sở Kế hoạch này, xây dựng báo cáo tổng kết từng nội dung theo nhiệm vụ đã được phân công tại các mục tiêu, chương trình trong các kế hoạch của UBND tỉnh (*đề cương báo cáo, phụ lục kèm theo*). Báo cáo gửi về UBND tỉnh (qua Sở Y tế) trước **ngày 05/12/2025**.

6. UBND các xã, phường và các tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng

a) Xây dựng báo cáo sơ kết, tổng kết từng nội dung theo nhiệm vụ đã được phân công tại các mục tiêu, chương trình trong các kế hoạch của UBND tỉnh, báo

cáo kết quả thực hiện theo đề cương đính kèm. Báo cáo gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Y tế) trước **ngày 08/12/2025**.

b) Căn cứ tình hình và điều kiện thực tế của địa phương, chỉ đạo thực hiện tổng kết và khen thưởng nhằm khích lệ, động viên những cá nhân, tập thể đạt thành tích xuất sắc trong thực hiện chính sách bảo trợ xã hội, trẻ em giai đoạn 2021 - 2025.

c) Thực hiện hồ sơ, thủ tục đề xuất khen thưởng đối với các cá nhân, tập thể đạt thành tích xuất sắc trong thực hiện chính sách bảo trợ xã hội, trẻ em giai đoạn 2021 - 2025 theo hướng dẫn của Sở Y tế.

Trên đây là Kế hoạch tổ chức Hội nghị sơ kết, tổng kết công tác bảo trợ xã hội, trẻ em giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh. Đề nghị các sở, ban, ngành, liên quan, UBND các xã, phường triển khai thực hiện; trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc; các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Y tế) xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- Cục Bảo trợ xã hội;
- Cục Bà mẹ và Trẻ em;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- Chủ tịch, PCT. UBND tỉnh (KGVX);
- Các đơn vị tại Mục III;
- CVP, PCVP. UBND tỉnh (KGVX);
- Lưu: VT, KGVX (Tài).

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Trường Sơn

Phụ lục I
ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác bảo trợ xã hội, trẻ em giai đoạn 2021 - 2025,
phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2026 - 2030
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh)

Phần I
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO TRỢ XÃ HỘI, TRẺ EM
GAJI ĐOẠN 2021 - 2025

I. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC BẢO TRỢ XÃ HỘI, TRẺ EM

1. Công tác bảo trợ xã hội
2. Công tác trẻ em (những vấn đề liên quan đến trẻ em; công tác trẻ em phát sinh hoặc chưa được giải quyết)

II. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO TRONG VIỆC THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO TRỢ XÃ HỘI, TRẺ EM

1. Công tác bảo trợ xã hội

- 1.1. Công tác tham mưu, ban hành văn bản
- 1.2. Công tác triển khai

2. Công tác trẻ em

- 2.1. Công tác tham mưu, ban hành văn bản
- 2.2. Công tác triển khai

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO TRỢ, TRẺ EM

1. Công tác bảo trợ xã hội

- 1.1. Công tác truyền thông, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về công tác bảo trợ xã hội

1.2. Công tác thực hiện chính sách trợ cấp thường xuyên, đột xuất

- a) Trợ cấp thường xuyên
- b) Trợ cấp đột xuất
- c) Công tác phối hợp chi trả trợ cấp xã hội

1.3. Công tác người cao tuổi

- a) Tổng quan về người cao tuổi trên địa bàn; tổ chức bộ máy, nhân lực làm công tác chăm sóc người cao tuổi.

b) Tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức về vấn đề người cao tuổi

- c) Công tác trợ giúp người cao tuổi và phối hợp tổ chức thực hiện kế hoạch chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi (Kết quả thực hiện các chỉ tiêu, mục tiêu cụ thể và các hoạt động chủ yếu của kế hoạch).

d) Các tổ chức cung cấp dịch vụ đối với người cao tuổi.

đ) Kết quả thực hiện Đề án nhân rộng mô hình Câu lạc bộ liên thế hệ tự giúp nhau của người cao tuổi.

1.4. Công tác người khuyết tật

a) Tổng quan về người khuyết tật trên địa bàn:

b) Công tác trợ giúp người khuyết tật:

- Phát hiện sớm, can thiệp sớm, phẫu thuật chỉnh hình và cung cấp dụng cụ trợ giúp cho người khuyết tật.

- Hoạt động trợ giúp tiếp cận giáo dục cho người khuyết tật (Tình hình triển khai hỗ trợ trẻ em khuyết tật tham gia học hòa nhập và học chuyên biệt hàng năm).

- Hoạt động trợ giúp học nghề, việc làm cho người khuyết tật.

- Hoạt động trợ giúp tiếp cận và sử dụng các công trình xây dựng cho người khuyết tật.

- Hoạt động trợ giúp tiếp cận và tham gia giao thông cho người khuyết tật.

- Hoạt động trợ giúp tiếp cận và sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông cho người khuyết tật.

- Hoạt động trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật.

- Hoạt động trợ giúp người khuyết tật trong hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch cho người khuyết tật.

c) Kết quả thực hiện các chính sách theo quy định cho đối tượng người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí có hoàn cảnh khó khăn để (điều tra, khảo sát, xây dựng cơ sở dữ liệu trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí).

1.5. Thực hiện chương trình phát triển công tác xã hội

a) Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ làm công tác xã hội

b) Công tác đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực và chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác xã hội

c) Về củng cố, phát triển mạng lưới các cơ sở cung cấp dịch vụ công tác xã hội và đội ngũ cán bộ, viên chức, nhân viên, cộng tác viên công tác xã hội

1.6. Công tác trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

1.7. Thực hiện Đề án giải quyết người lang thang

1.8. Thực hiện quản lý các cơ sở bảo trợ xã hội

1.9. Thực hiện tiếp nhận tài trợ của các tổ chức phi chính phủ

2. Công tác trẻ em

2.1. Công tác truyền thông, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về công tác trẻ em

2.2. Công tác bảo vệ trẻ em: Công tác đăng ký khai sinh; thực hiện trợ giúp pháp lý cho trẻ em và cha, mẹ, người chăm sóc trẻ theo quy định của pháp luật; cấp thẻ BHYT. Công tác phòng ngừa, ngăn chặn, điều tra và xử lý hành vi bạo lực, bóc lột, xâm hại tình dục, mua bán trẻ em và ngăn ngừa trẻ em vi phạm pháp luật. Công tác bảo vệ trẻ em trong quá trình tố tụng, xử lý vi phạm hành chính đối với trẻ em vi phạm pháp luật, trẻ em là người bị hại và người làm chứng.

2.3. Công tác chăm sóc trẻ em: Công tác khám chữa bệnh; tiêm chủng mở rộng; trẻ em suy dinh dưỡng; khám lọc bệnh, phẫu thuật cho trẻ em. Công tác theo dõi sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ cho trẻ; thực hiện việc chăm sóc sức khỏe cho trẻ em khuyết tật, trẻ em bị tai nạn thương tích. Công tác y tế trường học bảo đảm việc chăm sóc sức khỏe cho trẻ em trong các cơ sở giáo dục.

2.4. Công tác giáo dục trẻ em: Tỷ lệ trẻ em đến các cấp học nhà trẻ, mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; công tác vận động trẻ em có nguy cơ bỏ học; cấp học bổng cho trẻ em đến trường.

2.5. Về tổ chức các hoạt động vui chơi, giải trí, tặng quà (ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6, hoạt động hè, Tết Trung thu, Tết Nguyên đán).

2.6. Về thực hiện các mô hình về bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em và quyền tham gia trẻ em: Xây dựng mô hình ngôi nhà an toàn - phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống xâm hại trẻ em (mô hình điểm cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em; mô hình phòng ngừa trẻ em lao động sớm trái quy định của pháp luật; HIV/AIDS; mô hình thực hiện quyền tham gia của trẻ em vào các vấn đề trẻ em; các mô hình khác về trẻ em của địa phương).

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Công tác bảo trợ xã hội (nguồn ngân sách địa phương, nguồn vận động và các nguồn hợp pháp khác)

2. Công tác trẻ em (nguồn ngân sách trung ương, nguồn ngân sách địa phương, nguồn vận động và các nguồn hợp pháp khác)

IV. CÔNG TÁC THANH TRA, KIỂM TRA, GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ

1. Tình hình tổ chức các đoàn thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá công tác bảo trợ xã hội và công tác trẻ em.

2. Kết quả, phát hiện, xử lý và kiến nghị qua công tác kiểm tra, giám sát.

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Công tác bảo trợ xã hội

1.1. Thuận lợi

1.2. Khó khăn, hạn chế

1.3. Nguyên nhân

1.4. Giải pháp

2. Công tác trẻ em

- 2.1. Thuận lợi
- 2.2. Khó khăn, hạn chế
- 2.3. Nguyên nhân
- 2.4. Giải pháp

Phần II

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH

- 1. Công tác bảo trợ xã hội
- 2. Công tác trẻ em

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

- 1. Công tác bảo trợ xã hội
- 2. Công tác trẻ em

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- 1. Công tác bảo trợ xã hội
- 2. Công tác trẻ em

Phụ lục II
THÔNG TIN CHUNG VỀ TRẺ EM GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /2025 của UBND tỉnh)

TT	Chỉ tiêu, mục tiêu	ĐVT	Kết quả thực hiện					Ghi chú
			Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Tổng số trẻ em dưới 16 tuổi							
	Nam	Trẻ em						
	Nữ	Trẻ em						
2	Trẻ em dưới 06 tuổi							
	Nam	Trẻ em						
	Nữ	Trẻ em						
3	Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	Trẻ em						
	Tỷ lệ so với tổng số trẻ em	%						
4	Số trẻ em bị tai nạn thương tích	Người						
	Tỷ lệ/Tổng số trẻ em	%						
	Số trẻ em tử vong do tai nạn thương tích	Người						
	Số trẻ em tử vong do đuối nước	Người						
	Số tử vong do các trường hợp khác	Người						
5	Trẻ em bị xâm hại							
	Chiếm tỷ lệ/Tổng số trẻ em	%						
	Trẻ em bị xâm hại tình dục	Trẻ em						
	Trẻ em bị bạo lực	Trẻ em						
	Trẻ em bị mua bán	Trẻ em						
	Trẻ em bị các hình thức xâm hại khác	Trẻ em						
6	Số trẻ em tham gia diễn đàn trẻ em các cấp	Trẻ em						

Phụ lục III
CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG VÌ TRẺ EM
TỈNH ĐỒNG NAI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh)

MT/ CT	Chỉ tiêu	ĐVT	2021	2022	2023	2024	2025
MT1	Về phát triển toàn diện trẻ em, chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng cho trẻ em (Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo phụ trách)						
1	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em.	%					
2	Tỷ lệ trẻ em đến 8 tuổi được tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ chăm sóc phát triển toàn diện.	%					
3	Giảm tỷ suất tử vong trẻ sơ sinh trên 1.000 trẻ đẻ sống.	‰					
	Giảm tỷ suất tử vong của trẻ em dưới 1 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống.	‰					
	Giảm tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống.	‰					
4	Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể cân nặng theo tuổi.	%					
	Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể chiều cao theo tuổi.	%					
	Giảm tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể béo phì xuống dưới 5% đối với nông thôn và dưới 10% đối với thành thị vào năm 2025 và năm 2030.	%					
5	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ 8 loại vắc xin	%					
	Trẻ em dưới 5 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin vào năm 2030.	%					
6	Tỷ lệ lây truyền HIV từ mẹ sang con	%					
7	Phân đầu cơ sở giáo dục cho trẻ em có công trình vệ sinh	%					
MT2	Bảo vệ trẻ em (Sở Y tế, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Tư pháp, Công an tỉnh phụ trách)						
8	Giảm tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc	%					

	biệt trên tổng số trẻ em.						
	Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp.	%					
9	Giảm tỷ lệ trẻ em bị xâm hại trên tổng số trẻ em.	%					
10	Tiếp tục làm tốt các công tác tuyên truyền, tập huấn và hỗ trợ nhằm phòng ngừa lao động trẻ em, duy trì để Đồng Nai tiếp tục không có trẻ em tham gia lao động sớm trái với quy định của pháp luật.	%					
11	Giảm tỷ suất trẻ em bị tai nạn thương tích	%0					
	Giảm tỷ suất trẻ em bị tử vong do tai nạn thương tích	%0					
12	Trẻ em gặp thiên tai, thảm họa được cứu trợ, hỗ trợ kịp thời.	%					
13	Xóa bỏ hoàn toàn tình trạng tảo hôn	%					
14	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được đăng ký khai sinh	%					
MT3	Về giáo dục, văn hóa, vui chơi, giải trí cho trẻ em (Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phụ trách)						
15	Phần đầu tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được phát triển phù hợp về sức khỏe, học tập và tâm lý xã hội	%					
16	Tỷ lệ huy động trẻ em 5 tuổi đi học mẫu giáo	%					
17	Tỷ lệ trẻ em hoàn thành cấp tiểu học	%					
	Phần đầu giảm tỷ lệ trẻ em bỏ học bậc tiểu học	%					
18	Tỷ lệ trẻ em hoàn thành cấp trung học cơ sở	%					
	Phần đầu giảm tỷ lệ trẻ em bỏ học cấp trung học cơ sở.	%					
19	Phần đầu trường học có dịch vụ hỗ trợ tâm lý trẻ em	%					
20	Tỷ lệ trường học có cơ sở hạ tầng và tài liệu phù hợp với học sinh, sinh viên khuyết tật	%					
	Tỷ lệ trẻ em khuyết tật có nhu cầu	%					

	học tập được tiếp cận giáo dục chuyên biệt, giáo dục hòa nhập và hỗ trợ phục hồi chức năng phù hợp						
21	Phần đầu tỷ lệ các xã, phường, thị trấn có điểm văn hóa, vui chơi dành cho trẻ em	%					
MT4	Về sự tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em (Sở Y tế phụ trách)						
22	Phần đầu trẻ em từ 07 tuổi trở lên được hỏi ý kiến về các vấn đề của trẻ em với các hình thức phù hợp	%					
23	Phần đầu trẻ em được nâng cao nhận thức, năng lực về quyền tham gia của trẻ em	%					
24	Tỷ lệ trẻ em từ 11 tuổi trở lên được tham gia vào các mô hình, hoạt động thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em	%					